TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG** Bản án số: 301/2020/DS-PT Ngày: 24/8/2020 V/v tranh chấp "Bồi thường giá trị cây trồng và bồi thường thiệt hại về tài sản"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đạt

Bà Trần Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 329/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp: "Bồi thường giá trị cây trồng và bồi thường thiệt hại về tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 92/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 374/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Hồ Hoàng A, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Kim Đ, sinh năm 1940 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1943 (vắng mặt);

2. Chị Nguyễn Kim A1, sinh năm 1968 (vắng mặt);

3. Chị Nguyễn Thị Diễm K, sinh năm 1977 (vắng mặt);

4. Chị Nguyễn Kim C, sinh năm 1972 (vắng mặt);

5. Chị Nguyễn Thị Phương M, sinh năm 1984 (có mặt);

6. Anh Võ Nguyễn Kiến H, sinh năm 1992 (vắng mặt);

7. Chị Võ Nguyễn Ngân H1, sinh năm 2000 (vắng mặt);

8. Chị Nguyễn Kim T1, sinh năm 1986 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn – Hồ Hoàng A; Bị đơn – Nguyễn Kim Đ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Nguyễn Kim T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn – anh Hồ Hoàng A trình bày:

Ông Nguyễn Kim Đ là ông nội vợ của anh Hồ Hoàng A. Vào năm 2011, ông Đ có giao cho anh mượn quyền sử dụng phần đất 2.500m^2, thửa số 8, tờ bản đồ 17, trong tổng diện tích 13.614m^2 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Nguyễn Kim Đ để anh trồng cây ăn trái. Việc cho mượn đất chỉ nói bằng miệng, không có lập hợp đồng nhưng thực tế ông Đ đã giao đất cho anh từ năm 2011.

Ngay sau khi nhận đất, anh đã tiến hành khai phá vườn tạp của ông Đ và trồng lại hoàn toàn cây mới. Hiện hữu trên đất có các cây trồng sau: 53 cây sầu riêng khoảng 6 - 8 năm tuổi, 06 cây mít 3 năm tuổi, 10 cây dừa và 01 căn nhà có kết cấu nền cán xi măng, cột bê tông, xây tường, mái tole. Đến năm 2018, ông Đ rào đất lại, không cho anh canh tác chăm sóc cây trồng trên đất nên đã xâm phạm đến quyền lợi của anh là không được hưởng huê lợi từ cây trồng mà anh đã bỏ nhiều công sức, tiền bạc ra chăm sóc. Nay, anh khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Kim Đ và các thành viên trong hộ ông Đ gồm: Bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Thành T, chị Nguyễn Kim A1, chị Nguyễn Thị Diễm K, chị Nguyễn Kim C, chị Nguyễn Thị Phương M, anh Võ Nguyễn Kiến H, chị Võ Nguyễn Ngân H1 hoàn trả cho anh thành quả lao động và giá trị cây trồng trên đất là 293.000.000 đồng. Anh đồng ý giao trả lại quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Kim Đ.

Ngày 02/5/2019 anh Hồ Hoàng A có đơn khởi kiện bổ sung: Anh yêu cầu ông Nguyễn Thành T phải bồi thường tiền hệ thống ống nước trên đất là 6.300.000 đồng và chi phí đầu tư mùa vụ cuối năm 2018 là 50.000.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 24/6/2019, tại đơn xin xác định yêu cầu khởi kiện, anh A yêu cầu: Buộc ông Nguyễn Kim Đ và các thành viên trong hộ ông Nguyễn Kim Đ phải liên đới hoàn trả cho anh giá trị cây trồng, căn nhà và vật kiến trúc trên đất đang tranh chấp với số tiền 345.449.000 đồng (trong đó: Nhà 19.500.000 đồng, cây trồng trên đất 325.949.000 đồng). Buộc ông Nguyễn Thành T có trách nhiệm bồi thường hệ thống ống nước do ông T đã tự tháo dỡ, đập phá với số tiền 4.416.000 đồng.

Bị đơn – ông Nguyễn Kim Đ: Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng cũng không có ý kiến và cũng không có mặt để dự phiên tòa.

Bị đơn – ông Nguyễn Thành T trình bày:

Vào năm 2002 cha của ông là ông Nguyễn Kim Đ có tạm giao cho ông canh tác phần đất khoảng 2.500m^2. Đến năm 2011, sau khi con gái ông là Nguyễn Kim T1 lập gia đình với anh Hồ Hoàng A thì ông tạm thời giao phần đất trên lại cho con gái ông canh tác để tạo thêm thu nhập, khi nào cần sẽ lấy lại mà không phải đền bù tài sản trên đất và chị T1 đồng ý. Khi canh tác, ông T đã trồng sẵn 32 gốc sầu riêng, 72 gốc chôm chôm thái 7 năm tuổi và 200 gốc chanh 1 năm tuổi vào năm 2004.

Sau khi nhận đất, chị T1 và anh A cho rằng chôm chôm và chanh năng suất thấp nên tự ý đốn bỏ mà không hỏi ý kiến của ông. Khi biết được sự việc, ông có nói chuyện với anh A và chị T1 thì cả hai nói sẽ trồng sầu riêng vào bù lại những cây chôm chôm, chanh đã đốn bỏ và 10 cây sầu riêng đã chết. Đến năm 2016 giữa anh A và chị T1 xảy ra cự cải, mâu thuẫn, cây trong vườn không ai chăm sóc. Đến tháng 8/2017 ông có nói với chị T1 sẽ lấy lại đất. Nhưng do chị T1 còn nợ tiền phân thuốc nên xin ông cho gia hạn thu hoạch thêm một mùa nữa để trả hết nợ phân thuốc và ông đồng ý.

Đến tháng 3/2018 sau khi thu hoạch xong thì chị T1 trả lại đất cho ông nhưng anh A thì không đồng ý trả đất mà anh A yêu cầu ông bồi thường, ông không đồng ý. Khi ông lấy lại đất, ông yêu cầu anh A, chị T1 di chuyển tất cả đồ đạc của anh, chị ra khỏi đất. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Hoàng A, ông có ý kiến:

- Về công chăm sóc cây trồng, ông không đồng ý bồi thường. Khi giao đất ông và chị T1 đã thỏa thuận lấy đất lại không phải đền bù.

- Khi giao đất cho chị T1, trên đất đã có sẵn cây trồng, anh A và chị T1 đã tự đốn bỏ chanh, chôm chôm thái và 10 cây sầu riêng đã chết của ông để trồng vào sầu riêng thay thế cây trồng đã đốn trước đó.

- Từ khi giao đất thì huê lợi hoàn toàn ông không có nhận được bất cứ huê lợi nào mà công chăm sóc đã được chuyển hòa thành huê lợi mà anh A và chị T1 đã thu hoạch.

- Đối với căn nhà tạm và vật dụng trên phần đất tranh chấp, ông yêu cầu anh A và chị T1 chuyển ra khỏi phần đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Nguyễn Kim T1 trình bày:

Năm 2002 ông nội của chị là ông Nguyễn Kim Đ có cho ông Nguyễn Thành T (cha của chị T1) canh tác phần đất có diện tích khoảng 2.000m^2. Sau khi nhận đất, ông T tiến hành cải tạo và trồng cây ăn trái. Năm 2011, chị kết hôn với anh Hồ Hoàng A. Ông T muốn tạo thêm thu nhập cho anh, chị nên có thỏa thuận với chị là ông T sẽ đưa cho chị tạm canh tác phần đất 2.000m^2 mà ông Nguyễn Kim Đ đã

giao cho ông Nguyễn Thành T. Sau đó, chị bàn bạc với anh A và thống nhất sẽ tạm nhận phần đất này để canh tác. Khi giao nhận đất, ông T đã trồng sẵn 32 cây sầu riêng và 72 cây chôm chôm thái 7 năm tuổi và khoảng 200 cây chanh 1 năm tuổi. Cây trồng sinh trưởng tốt, chỉ cần chăm sóc là sẽ cho thu hoạch. Sau khi canh tác được một năm, chị và anh A nhận thấy chôm chôm và chanh năng suất thấp nên bàn bạc với nhau sẽ đốn bỏ để trồng cây sầu riêng thay thế mà không hỏi ý kiến ông T. Khi ông T biết, ông T không đồng ý, chị và anh A nói với ông T sẽ trồng sầu riêng bù lại số cây chôm chôm, chanh đã đốn bỏ của ông T. Thấy chị T1, anh A chăm chỉ làm ăn và trồng cây bù lại nên ông T đồng ý. Trong thời gian canh tác, nhận thấy đất vườn và nhà cách xa nhau gây khó khăn cho việc chăm sóc cây và giữ vườn nên chị có mượn mẹ chị số tiền 20.000.000 đồng để xây tạm một cái chòi nhỏ tiện chăm sóc. Khi xây chòi xong, anh A viện lý do ở ngoài chòi để tiện chăm sóc cây trồng nên rất ít về nhà. Từ đó đến nay, anh A thường xuyên tụ tập bạn bè đi chơi, cờ bạc. Do vườn không ai chăm sóc, tháng 8/2017 ông T nói với chị sẽ lấy lại đất nhưng do chị T1 còn nợ tiền phân thuốc nên chị xin ông T cho chị thu hoạch thêm một mùa nữa để trả nợ, ông T đồng ý. Đến tháng 3/2018 sau khi thu hoạch xong, chị có nói với ông T sẽ trả lại đất và không phải bồi thường như theo thỏa thuận ban đầu nhưng anh A không đồng ý. Chị đã trả đất lại cho ông T, chị yêu cầu anh A di chuyển vật dụng ra khỏi đất nhưng anh A không thực hiện nên chị đã nhờ người phụ tháo dỡ đường dẫn nước tưới và gom lại một chỗ để anh A tự di dời. Riêng đối với 48 cây sầu riêng anh, chị cùng trồng để bù đắp lại các cây bị đốn và 12 cây sầu riêng đã chết. Sau khi trả đất thì ông T là người chăm sóc vườn từ đó đến nay.

Ông Nguyễn Thành T là người thỏa thuận giao đất cho chị canh tác, quản lý, không có giao cho anh A. Sau khi nhận đất thì chị và anh A cùng canh tác và hưởng hoa lợi, ông T không nhận được gì từ anh chị. Do đó, việc anh A yêu cầu ông T bồi thường là tiền công lao động, giá trị cây trồng là không hợp lý, trái đạo đức xã hội. Đối với hệ thống ống nước do chị kêu người phụ tháo dỡ để trả lại đất cho ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Nguyễn Kim C trình bày: Chị yêu cầu anh Hồ Hoàng A giao trả phần đất khoảng 2.500m^2 cho ông Nguyễn Kim Đ. Chị và ông Đ không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của anh A, hoàn trả lại cho anh A số tiền 349.000.000 đồng với lý do anh A nhận phần đất canh tác đã có sẵn cây trồng trên đất và anh A đã được hưởng hoa lợi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị P, chị Nguyễn Kim A1, chị Nguyễn Thị Diễm K, chị Nguyễn Thị Phương M, anh Võ Nguyễn Kiến H, chị Võ Nguyễn Ngân H1: Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng cũng không có ý kiến và cũng không có mặt để dự phiên tòa.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 92/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều

361, Điều 363, khoản 2 Điều 468, Điều 357 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4, khoản 9 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Hoàng A.

- Buộc ông Nguyễn Kim Đ và thành viên trong hộ ông Đ gồm: Bà Nguyễn Thị P, chị Nguyễn Kim A1, chị Nguyễn Thị Diễm K, chị Nguyễn Kim C, chị Nguyễn Thị Phương M, anh Võ Nguyễn Kiến H, chị Võ Nguyễn Ngân H1 có trách nhiệm hoàn trả cho anh Hồ Hoàng A số tiền 198.580.085 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Hộ ông Nguyễn Kim Đ được quyền sở hữu tài sản trên phần đất có tổng diện tích 13.614m^2, thửa số 8, tờ bản đồ 17, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 29/6/2009 cho hộ ông Nguyễn Kim Đ theo biên bản định giá ngày 19/6/2019 gồm có: 41 cây sầu riêng loại B1, 7 cây sầu riêng loại B2, 1 cây dừa loại B1, 2 cây dừa loại B2, 1 cây dừa loại B1, 1 cây dừa loại C, 6 cây mít, 1 căn nhà diện tích 12,9m^2 có kết cấu: Nhà trệt, vách tường, nền đất, mái tole thiếc, chưa tô trát.

- Đình chỉ yêu cầu của anh Hồ Hoàng A đối với phần chi phí đầu tư mùa vụ cuối năm 2018 với số tiền 50.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Hồ Hoàng A buộc ông Nguyễn Thành T phải bồi thường thiệt hại tài sản đối với hệ thống ống nước đã bị tháo dỡ với số tiền 4.416.000 đồng.

- Buộc anh Hồ Hoàng A phải di dời hệ thống ống nước đã bị tháo dỡ ra khỏi đất của ông Đ ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Kim Đ, bà Nguyễn Thị P, chị Nguyễn Kim A1, chị Nguyễn Thị Diễm K, chị Nguyễn Kim C, chị Nguyễn Thị Phương M, anh Võ Nguyễn Kiến H, chị Võ Nguyễn Ngân H1 phải hoàn trả cho anh Hồ Hoàng A chi phí tố tụng là 5.500.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08 tháng 12 năm 2019, ông Nguyễn Kim Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm vì việc xác định ông Đ là bị đơn trong vụ tranh chấp là hoàn toàn sai, không đúng thực tế khách quan, ông Đ không giao đất cho anh A và chị T1 mượn, ông Đ chỉ giao cho ông T mà thôi. Đến khi thấy anh A và chị T1 đốn cây của ông Đ thì ông Đ phản ứng với ông T, anh A và chị T1, câu chuyện đã được thỏa thuận trong nội bộ gia đình, đốn chôm chôm thì trồng đền thế vào cây sầu riêng. Yêu cầu Tòa án cho định giá tất cả những cây chôm chôm, chanh mà anh A và chị T1 tự ý đốn và hứa bồi thường, để cấn trừ vào số tiền mà anh A và chị T1 được đền bù, vì việc anh A và chị T1 đốn bỏ cây chôm chôm và cây chanh đang cho trái để trồng lại cây sầu riêng là có thực tế, anh A và chị T1 đã thừa nhận tại phiên tòa.

Ngày 08 tháng 12 năm 2019, chị Nguyễn Kim T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm vì việc xác định ông Đ là bị đơn trong vụ tranh chấp là hoàn toàn sai, không đúng thực tế khách quan, anh A và chị T1 không hề nhận đất từ ông Đ mà nhận đất từ ông T. Chị T1 yêu cầu nhận ½ số tiền mà anh A được bồi thường. Yêu cầu Tòa án cho định giá tất cả những cây chôm chôm, chanh mà anh A và chị T1 tự ý đốn và hứa bồi thường, để cấn trừ vào số tiền mà anh A và chị T1 được đền bù, vì việc anh A và chị T1 đốn bỏ cây chôm chôm và cây chanh đang cho trái để trồng lại cây sầu riêng là có thực tế, anh A cũng đã thừa nhận việc này tại Tòa án.

Ngày 10 tháng 12 năm 2019, anh Hồ Hoàng A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa toàn bộ bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A. Anh A yêu cầu ông Đ và thành viên trong hộ hoàn trả giá trị căn nhà và cây trồng trên đất với số tiền là 345.449.000 đồng. Buộc ông T hoàn trả hệ thống ống nước với số tiền 4.416.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn anh Hồ Hoàng A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Bị đơn ông Nguyễn Kim Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Kim T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Hồ Hoàng A, bị đơn ông Nguyễn Kim Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Kim T1 là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, yêu cầu kháng cáo của ang Hồ Hoàng A, ông Nguyễn Kim Đ và chị Nguyễn Kim T1, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp Bồi thường giá trị cây trồng và bồi thường thiệt hại về tài sản" là có căn cứ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn anh Hồ Hoàng A, bị đơn ông Nguyễn Kim Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Kim T1 nhận thấy:

Trong hồ sơ vụ án thể hiện vào năm 2011, ông Nguyễn Kim Đ có giao cho anh Hồ Hoàng A (chồng của chị Nguyễn Kim T1, chị T1 là cháu nội của ông Đ) mượn sử dụng phần đất khoảng 2.500m^2, thửa số 8, tờ bản đồ 17, trong tổng diện tích 13.614m^2 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Nguyễn Kim Đ vào ngày 29/6/2009, loại đất trồng câu lâu năm, để anh A trồng cây ăn trái.

Năm 2018 có tranh chấp, ông Đ yêu cầu anh A trả lại đất.

Tại biên bản hòa giải ở Ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Tiền Giang ngày 11/6/2018 ghi nhận:

- Ý kiến của chị Nguyễn Kim T1 trình bày đất của nội cho con làm bây giờ con không làm nữa nên con đồng ý trả nội (Nguyễn Kim Đ); nếu nội bồi tiền công thì vợ chồng chị sẽ nhận.

- Ý kiến của anh Hồ Hoàng A cũng đồng ý trả, nhưng ước nguyện cho lại thành quả lao động cho anh A. Cho làm tiếp 5 năm rồi anh ra đi không cần tiền, nếu không thì nhờ chính quyền tính toán lại từng cây sầu riêng cho anh (BL 20).

Tại biên bản hòa giải ngày 02/8/2018 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Tiền Giang:

+ Ý kiến ông Nguyễn Văn Cận là người được ông Nguyễn Kim Đ ủy quyền trình bày: Vào năm 2011 ông Đ có cho vợ chồng ông A và bà T1 tạm canh tác vườn cây ăn trái để có thu nhập, đến năm 2017 ông Đ có yêu cầu trả lại đất vườn vợ chồng cháu A và T1 có gia hạn thời gian khoảng 3 đến 4 tháng để thu hoạch xong sầu riêng và tại thời điểm hôm nay ông Nguyễn Kim Đ sẽ hoàn trả cho ông A và bà T1 với số lượng cây sầu riêng 53 gốc, có tiền là 500.000đ (cây loại nhỏ) và 1.000.000đ (cây loại lớn).

+ Ý kiến ông Hồ Hoàng A: Tôi và vợ tôi là Nguyễn Kim T1 có thừa nhận việc ông nội vợ là ông Nguyễn Kim Đ có cho vợ chồng tôi tiến hành cải tạo, chăm sóc vườn cây sầu riêng nhưng đến thời điểm này ông nội tôi có ý định lấy lại đất thì phải hoàn lại cho tôi số tiền chăm sóc cây trái là 150.000.000 đồng và bồi hoàn 53 cây sầu riêng lớn nhỏ mỗi cây là 10.000.000 đồng. Còn vật kiến trúc và ống tưới cùng các vật dụng khác để phục vụ cho việc chăm sóc vườn hiện tại tôi chưa kê khai được (BL 18).

[3] Như vậy có căn cứ xác định việc giao đất cho anh A và chị T1 canh tác là do ông Đ giao, vì ông Đ là người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình và việc này các thành viên trong hộ gia đình đều biết vì diễn ra thời gian dài, nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ và chị T1 cho rằng ông T giao đất cho anh A canh tác.

[4] Về cây trồng trên đất cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, lời khai đương sự và tiến hành định giá tài sản, xác định số cây anh A đã trồng mới trên đất của ông Đ gồm 21 cây sầu riêng loại B1 có giá trị 154.245.000 đồng, 07 cây sầu riêng loại B2 có giá trị 10.696.000 đồng. Tổng cộng giá trị sầu riêng loại B1 và B2 là 164.941.000 đồng. Ngoài ra anh A còn trồng các loại cây khác gồm 02 cây dừa loại B1, 02 cây dừa loại B2, 01 cây dừa loại C, 06 cây mít loại B1 có giá trị 14.108.000 đồng.

[5] Trên phần đất ông Đ giao cho anh A canh tác, anh A có xây dựng một căn nhà diện tích 12,9m^2 có giá trị 19.531.085 đồng.

[6] Ngoài ra trong quá trình canh tác trên 2.500m^2 đất của ông Đ cho anh A mượn, anh A có lắp đặt hệ thống ống nước tưới cây trái. Hệ thống ống nước này đã

bị ông T tháo dỡ làm hư hỏng không còn được sử dụng, thể hiện tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/6/2019 (BL 52-53) được định giá có giá trị 4.416.000 đồng.

[7] Những lý lẽ ông Đ trình bày trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm không có căn cứ chứng minh có sự thỏa thuận anh A phá bỏ cây chôm chôm và cây chanh để trồng cây sầu riêng.

Chị T1 kháng cáo cho rằng nhận đất từ ông T chứ không phải nhận đất từ ông Đ. Nhưng căn cứ vào biên bản hòa giải ở ấp T và xã P ngày 11/6/2018 và ngày 02/8/2018 nêu trên cho thấy kháng cáo của chị T1 không có cơ sở. Đối với kháng cáo của chị T1 chị yêu cầu được nhận ½ số tiền mà anh A được bồi thường. Yêu cầu Tòa án cho định giá tất cả những cây chôm chôm, chanh mà anh A và chị T1 tự ý đốn và hứa bồi thường, để cấn trừ vào số tiền mà anh A và chị T1 được đền bù. Việc này ở cấp sơ thẩm chị không có yêu cầu giải quyết, nên cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[8] Xét án sơ thẩm xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Hoàng A, buộc ông Nguyễn Kim Đ và các thành viên trong hộ gia đình của ông Đ hoàn trả cho anh A giá trị cây trồng do anh A trồng và căn nhà số tiền 198.580.085 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh A yêu cầu ông Nguyễn Thành T phải có trách nhiệm bồi thường hệ thống ống nước tưới cây trồng của anh A lắp đặt do ông T đã tự tháo dỡ, đập phá hư hỏng với số tiền 4.416.000 đồng là chưa xem xét đến yêu cầu chính đáng, đảm bảo quyền lợi của anh A về thiệt hại xảy ra, vì ông T là người có lỗi gây ra thiệt hại về tài sản của anh A. Do đó cấp phúc thẩm sửa phần này của án sơ thẩm, cần buộc ông T phải bồi thường giá trị hệ thống ống nước bị tháo dỡ hư hỏng cho anh A số tiền 4.416.000 đồng theo quy định tại Điều 589 Bộ luật dân sự. Ông T được sử dụng ống nước bị tháo dỡ này.

Từ nhận định trên chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Hồ Hoàng A, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Kim Đ và chị Nguyễn Kim T1

[9] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[10] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 158, Điều 468, Điều 589 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Hồ Hoàng A. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Kim Đ và chị Nguyễn Kim T1, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 92/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Hoàng A.

- Buộc ông Nguyễn Kim Đ và thành viên trong hộ ông Đ gồm: Bà Nguyễn Thị P, chị Nguyễn Kim A1, chị Nguyễn Thị Diễm K, chị Nguyễn Kim C, chị Nguyễn Thị Phương M, anh Võ Nguyễn Kiến H, chị Võ Nguyễn Ngân H1 có trách nhiệm hoàn trả cho anh Hồ Hoàng A số tiền 198.580.085 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc ông Nguyễn Thành T phải bồi thường cho anh Hồ Hoàng A giá trị hệ thống ống nước bị tháo dỡ hư hỏng số tiền 4.416.000 đồng. Ông T được sử dụng ống nước bị tháo dỡ này. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án) đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Hộ ông Nguyễn Kim Đ được quyền sở hữu tài sản trên phần đất có tổng diện tích 13.614m^2, thửa số 8, tờ bản đồ 17, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 29/6/2009 cho hộ ông Nguyễn Kim Đ theo biên bản định giá ngày 19/6/2019 gồm có: 41 cây sầu riêng loại B1, 07 cây sầu riêng loại B2, 01 cây dừa loại B1, 02 cây dừa loại B2, 01 cây dừa loại B1, 01 cây dừa loại C, 06 cây mít loại B1, 01 căn nhà diện tích 12,9m^2 có kết cấu: Nhà trệt, vách tường, nền đất, mái tole thiếc, chưa tô trát.

3/ Đình chỉ yêu cầu của anh Hồ Hoàng A đối với phần chi phí đầu tư mùa vụ cuối năm 2018 với số tiền 50.000.000 đồng.

4/ Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Kim Đ, bà Nguyễn Thị P, chị Nguyễn Kim A1, chị Nguyễn Thị Diễm K, chị Nguyễn Kim C, chị Nguyễn Thị Phương M, anh Võ Nguyễn Kiến H, chị Võ Nguyễn Ngân H1 phải hoàn trả cho anh Hồ Hoàng A chi phí tố tụng là 5.500.000 đồng.

5/ Về án phí: Anh Hồ Hoàng A phải chịu 7.343.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh A đã tạm nộp 7.325.000 đồng theo biên lai thu số 16546 ngày 28/3/2019; 1.408.000 đồng theo biên lai thu số 16649 ngày 02/5/2019; 300.000 đồng theo biên lai thu số 16832 ngày 24/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tiền Giang, khấu trừ nên được hoàn lại 1.690.000 đồng. Hoàn lại anh A 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 17366 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tiền Giang.

Bà Nguyễn Thị P, chị Nguyễn Kim A1, chị Nguyễn Thị Diễm K, chị Nguyễn Kim C, chị Nguyễn Thị Phương M, anh Võ Nguyễn Kiến H, chị Võ Nguyễn Ngân H1 phải liên đới chịu 8.687.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thành T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Kim T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chị T1 đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 17358 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tiền Giang, khấu trừ xem như nộp xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện L, TG;
- CCTHADS huyện L, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Huỳnh Hiếu